

QUY ĐỊNH

Về công tác y tế trường học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2023)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế trường học bao gồm: công tác Y tế trường học, công tác Bảo hiểm y tế, công tác Vệ sinh trường học, tài chính, hệ thống tổ chức công tác Y tế trường học, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, đơn vị, cán bộ, viên chức, người lao động (sau đây gọi tắt là CBVC, NLĐ), người học, khen thưởng và xử lý vi phạm.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đơn vị, CBVC, NLĐ và người học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 3: Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBVC, NLĐ và người học của trường.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế trường học của các đơn vị, CBVC, NLĐ và người học.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Trường về công tác Y tế trường học.
- Đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và dân chủ trong các hoạt động của công tác này.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vệ sinh trường học là những điều kiện bảo đảm về môi trường, cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị, chế độ vệ sinh dạy học, học tập, tập luyện thể dục, thể thao và chăm sóc sức khỏe tại trường học.
- Vi khí hậu nơi làm việc là điều kiện khí tượng của môi trường nơi làm việc, gồm sự tác động tổng hợp của các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí, nhiệt độ của các bề mặt vật dụng và thiết bị xung quanh tác động đến người lao động, người học.

Chương II

CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Điều 5. Công tác quản lý và chăm sóc sức khỏe

1. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu cho CBVC, NLĐ và người học theo quy định, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh khi phát sinh trường hợp cấp cứu trong thời gian học tập, sinh hoạt, thực hành tại Trường theo phân tuyến kỹ thuật.

2. Tổ chức khám sức khỏe (KSK) định kỳ.

a. Đối với CBVC&NLĐ: Thực hiện KSK định kỳ hằng năm 01 năm/01 lần.

b. Đối với người học: Thực hiện KSK cho người học khi mới nhập học và định kỳ ít nhất một năm một lần trong mỗi năm học. Thực hiện theo dõi, kiểm tra sức khỏe người học, phát hiện các yếu tố nguy cơ sức khỏe, bệnh tật để dự phòng, điều trị hoặc chuyển tuyến điều trị theo quy định của pháp luật.

3. Triển khai các biện pháp vệ sinh phòng, chống dịch bệnh trong khuôn viên trường đảm bảo môi trường an toàn cho CBVC, NLĐ và người học làm việc, học tập.

4. Tư vấn sức khỏe

Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật, yếu tố nguy cơ sức khỏe, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, phát triển thể chất, tinh thần và hoạt động thể lực cho CBVC, NLĐ và người học của Nhà trường.

5. Hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống tai nạn, thương tích trong quá trình học tập, thực hành.

6. Khám bệnh, chữa bệnh, cấp phát thuốc, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên theo quy định của Bộ Y tế trong những trường hợp cần thiết.

7. Lưu trữ và quản lý hồ sơ y tế.

- Lưu trữ và quản lý kết quả KSK của CBVC, NLĐ và hồ sơ sức khỏe của người học.
- Biên bản kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh trường học của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, Biên bản kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP).

- Phiếu kết quả xét nghiệm nước.

- Sổ sách báo cáo thống kê số liệu khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 6. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe bao gồm: Các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích; tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, lối sống lành mạnh; bệnh tật học đường; phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh lây

truyền qua đường tình dục, bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, ma túy, các chất gây nghiện và các nội dung khác về y tế.

2. Tuyên truyền phòng chống các bệnh tật học đường (bệnh cận thị, gù vẹo cột sống,...). Hướng dẫn CBVC, NLĐ và người học trong công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, ma túy và các tệ nạn xã hội khác, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế (BHYT).

3. Hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe

a) Thông qua các phương tiện truyền thông như: Loa truyền thanh, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động, chiếu phim.

b) Truyền thông theo nhóm người học trên cơ sở phân loại phù hợp với từng loại hình đào tạo và quy mô đào tạo.

c) Truyền thông cá nhân cho người học.

d) Truyền thông trong các sự kiện: Tổ chức các cuộc thi về giáo dục sức khỏe; các buổi văn nghệ, hoạt động văn hóa, thể thao và lồng ghép các nội dung về sức khỏe trường học trong các sự kiện khác của Trường.

đ) Lồng ghép trong các giờ giảng, chương trình ngoại khóa của Trường.

e) Cấp phát các sản phẩm, tài liệu truyền thông cho người học.

f) Tổ chức các hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về y tế trường học theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật.

Điều 7. Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm

1. Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

2. Xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác phòng chống dịch, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường để thực hiện.

3. Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm xảy ra trong khu vực Trường với Trung tâm y tế quận Bắc Từ Liêm (TTYTQBTL).

4. Phối hợp với TTYTQBTL và các đơn vị liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra trong khu vực Nhà trường.

Điều 8. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm hàng tuần tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực Trường học.

2. Phối hợp với TTYTQBTL kiểm tra VSATTP trước các sự kiện lớn của Nhà trường.
3. Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội kiểm tra VSATTP hàng năm.
4. Phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm VSATTP.

Điều 9. Hoạt động Đoàn thể

Tổ chức cho người học tham gia các hoạt động vệ sinh, bảo vệ môi trường trong khu vực Trường học, các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

Điều 10. Đối tượng tham gia và Mức đóng BHYT

1. Đối tượng: Toàn thể Người học của trường chưa tham gia BHYT.
2. Mức đóng: Người học đóng 70% (Trong đó, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30%)

Điều 11. Quyền lợi của người tham gia BHYT

1. Được cấp thẻ BHYT khi đóng BHYT.
2. Lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KB,CB) BHYT ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật BHYT.
3. Được khám bệnh, chữa bệnh.
4. Được cơ quan bảo hiểm thanh toán chi phí KB, CB theo chế độ BHYT.
5. Yêu cầu cơ quan bảo hiểm, cơ sở KB, CB BHYT giải thích, cung cấp thông tin về chế độ BHYT.

Điều 12. Trách nhiệm của người tham gia BHYT

1. Đóng BHYT đầy đủ, đúng thời hạn.
2. Sử dụng thẻ BHYT đúng mục đích, không cho người khác mượn thẻ BHYT.
3. Thực hiện các quy định tại Điều 12 của Quy định này khi đi KB, CB.
4. Chấp hành các quy định và hướng dẫn của cơ quan bảo hiểm, cơ sở KB, CB.
5. Thanh toán chi phí KB, CB cho cơ sở KB, CB ngoài phần chi phí do quỹ BHYT chi trả.

Điều 13. Yêu cầu vệ sinh phòng học

Yêu cầu vệ sinh phòng học theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Quyết định số: 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học.

Điều 14. Yêu cầu vệ sinh phòng thí nghiệm

1. Bảng nội quy của phòng thí nghiệm viết rõ ràng, cụ thể, đầy đủ và được treo ở nơi dễ đọc.

2. Độ chiếu sáng thực hiện theo Thông tư số: 22/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

3. Bảo đảm quy định về Tiếng ồn thực hiện theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

4. Bảo đảm quy định về khí hậu thực hiện theo Thông tư số 26/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5. Các đường dẫn điện, khí đốt, các ổ cắm điện... đảm bảo an toàn cho người khi tiến hành làm thí nghiệm.

Điều 15. Yêu cầu vệ sinh phòng thực hành

1. Diện tích trung bình từ $1,5\text{m}^2$ đến 2m^2 / người học.

2. Độ chiếu sáng thực hiện theo Thông tư số: 22/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

3. Tiếng ồn thực hiện theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

4. Bảo đảm quy định về khí hậu thực hiện theo Thông tư số 26/2016/TT-BYT, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5. Dụng cụ thực hành phải có kích thước phù hợp với tầm vóc người học.

6. Có bảng nội quy vệ sinh an toàn lao động và nội quy vận hành thiết bị máy móc.

7. Người học vệ sinh phòng thực hành, thí nghiệm trước và sau buổi học.

Điều 16. Yêu cầu vệ sinh trong học tập môn Giáo dục thể chất

1. Thời khoá biểu

a. Chú trọng chế độ học tập vừa sức và hợp lý (Căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người học). Về mùa hè nắng, nóng, giờ học nên tránh khoảng thời gian từ 11h -13h.

b. Thời gian nghỉ sau mỗi tiết học và giữa buổi học, người học phải ra khỏi nhà thể chất để thay đổi không khí và giảm bởi nồng độ khí CO_2 ở trong phòng.

2. Nhà tập luyện thể chất

- a. Phải đảm bảo an toàn vệ sinh, thông gió thoáng khí.
- b. Sàn nhà phải bằng phẳng, không trơn. Có đủ các trang bị bảo hộ lao động (đệm, dây bảo hiểm) để phòng chấn thương.
- c. Các phương tiện luyện tập bảo đảm sạch sẽ và an toàn tuyệt đối. Trước khi luyện tập, giảng viên phải kiểm tra độ an toàn của các dụng cụ luyện tập.
- d. Phải có buồng thay quần áo riêng cho nam, cho nữ.

3. Sân bãi tập

Yêu cầu vệ sinh sân bãi tập theo quy định tại Điều 19 của Quyết định số: 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học.

Điều 17: Yêu cầu vệ sinh khu ký túc xá (KTX)

1. Thiết kế KTX theo quy định tại Mục 3.59, 3.60, 3.61, 3.62, 3.63 của TCVN 3981: 1985 về Tiêu chuẩn thiết kế trường đại học.
2. Phải có nội quy về trật tự, vệ sinh.
3. Được cung cấp đủ nước sạch để sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt.
4. Phải có thùng chứa rác theo quy định để thu gom rác thải hàng ngày và chuyển tới nơi quy định.
5. Có hệ thống cống dẫn nước rửa, nước thải trong sinh hoạt đổ vào hệ thống cống chung.

Điều 18. Yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Vệ sinh nguồn nước

a. Nước uống: Tại các khu công sở, giảng đường và khu KTX có đủ nước uống tinh lọc (theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 6-1: 2010/BYT) hoặc nước ăn uống qua lọc (theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 01:2009/BYT) phải được khuyến cáo đun sôi trước khi ăn uống. Thực hiện theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

b. Nước sinh hoạt: Cung cấp đủ nước sinh hoạt cho khu công sở, giảng đường và KTX từ các đơn vị cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hoặc tự khai thác phải bảo đảm tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ

trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

c. Các nguồn nước trên phải được kiểm tra chất lượng, vệ sinh 03 tháng 01 lần tại các cơ sở đủ điều kiện và các thời điểm đột xuất theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm

a. Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

- Bếp ăn, nhà ăn, căng tin phục vụ ăn uống tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Vị trí bếp ăn phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường và phải cách biệt với nhà vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác.

- Bếp ăn phải được thiết kế và tổ chức theo nguyên tắc 1 chiều. Khu vực tập kết bảo quản và xử lý thực phẩm tươi sống, nguyên liệu → khu vực chế biến → khu vực bán thức ăn đã chế biến. Bếp ăn phải được thiết kế, xây dựng bằng vật liệu không thấm nước, dễ vệ sinh.

- Phòng ăn, bàn ăn, bàn chế biến thực phẩm, nơi bảo quản thực phẩm phải giữ vệ sinh sạch sẽ.

- Thùng chứa thức ăn thừa, chứa rác phải có nắp đậy, không để rơi vãi ra xung quanh và nước rò rỉ ra ngoài. Rác phải được tập trung xa nơi chế biến phòng ăn và phải được chuyên đi hàng ngày.

- Cống rãnh khu vực bếp ăn phải thông thoát, không ứ đọng và phải có nắp đậy.

- Bếp ăn phải có đủ nước sử dụng để chế biến thức ăn (phù hợp với QCVN số 01: 2009/BYT), nước sơ chế nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, rửa tay (phù hợp với QCVN số 02:2009/BYT). Đá sử dụng trong pha chế đồ uống phải được sản xuất từ nguồn nước phù hợp với QCVN số 01 2009 BYT. Dụng cụ chứa nước phải được thay rửa thường xuyên.

b. Vệ sinh đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

- Người làm việc tại nhà ăn, bếp ăn phải bảo đảm các yêu cầu về sức khỏe theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến thực phẩm, phục vụ ăn uống của các cơ sở dịch vụ ăn uống được Nhà trường cho phép hoạt động phải được tập huấn và được cấp giấy xác

nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định, được khám sức khỏe và được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế. Việc khám sức khỏe do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

- Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép trực tiếp chế biến thực phẩm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quy trình chế biến thực phẩm.

- Người trực tiếp chế biến thực phẩm, phục vụ ăn uống phải có trang phục gọn gàng hoặc đeo tạp dề, phải tuân thủ các quy định về thực hành đảm bảo vệ sinh: giữ móng tay ngắn, không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực kinh doanh ăn uống.

- Phải dùng dụng cụ chia thức ăn, không dùng tay để bốc, chia thức ăn chín.

c. Đối với dụng cụ

- Các dụng cụ dùng cho ăn uống phải được rửa sạch và giữ khô.

- Các đồ dùng để chứa nguyên liệu, thức ăn phải giữ sạch, không để xuống đất, chỗ bẩn.

- Các dụng cụ phục vụ chế biến khi dùng xong phải được cọ rửa ngay và để nơi sạch sẽ. Mặt bàn chế biến phải làm từ vật liệu không thấm nước và dễ lau sạch, phải có dao thớt riêng cho thực phẩm chín và sống.

- Chỉ dùng các chất tẩy rửa được phép sử dụng trong sinh hoạt và chế biến thực phẩm, không dùng chất tẩy rửa công nghiệp.

d. Vệ sinh trong chế biến, bảo quản thực phẩm

- Vệ sinh nguồn cấp nước. Cơ sở tự gửi mẫu nước đến các trung tâm đủ điều kiện để kiểm nghiệm ít nhất 6 tháng/lần. Nếu được thông báo đang trong vùng có dịch tiêu hóa tương đối nguy hiểm thì kiểm nghiệm 1 lần/tháng, đồng thời xử lý khử khuẩn nguồn nước theo quy định của ngành Y tế.

- Nghiêm cấm sử dụng các loại phụ gia thực phẩm, phẩm màu không nằm trong danh mục phụ gia thực phẩm do Bộ Y tế quy định.

- Không dùng thực phẩm ôi thiu thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhiễm bệnh để chế biến thức ăn.

- Thức ăn đã nấu chín phải được che đậy hoặc được bảo quản trong tủ lưới để chống ruồi, bụi và các côn trùng gây nhiễm bệnh.

- Các loại rau quả tươi phải được ngâm kỹ và rửa ít nhất 3 lần nước sạch hoặc được rửa dưới vòi nước chảy.

e. Hợp đồng trách nhiệm: Giữa cơ sở làm dịch vụ ăn uống với người cung cấp thực phẩm về đảm bảo an toàn thực phẩm.

f. Theo dõi nguồn gốc thực phẩm: Cơ sở kinh doanh ăn uống phải có sổ ghi chép theo dõi hàng ngày về nguồn gốc xuất xứ các thực phẩm, lưu mẫu thức ăn đã chế biến trong 24 giờ và thực đơn.

g. Vệ sinh an toàn thực phẩm khu chế biến: Trạm Y tế phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường để thực hiện kiểm tra.

h. Xử lý ngộ độc thực phẩm: Khi có hiện tượng ngộ độc thực phẩm, chủ cơ sở kinh doanh ăn uống phải báo ngay cho Trạm Y tế Nhà trường và giữ lại mẫu thực phẩm lưu, thức ăn thừa, để gửi cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội xét nghiệm tìm nguyên nhân. Chủ cơ sở có loại thực phẩm gây ngộ độc phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành vi sai phạm và hậu quả do ngộ độc thực phẩm gây ra.

3. Cơ sở kinh doanh không tổ chức tự nấu ăn nội trú, bán trú

a. Cơ sở kinh doanh có thể ký hợp đồng với cơ sở cung cấp suất ăn sẵn đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

b. Cơ sở kinh doanh có thể ký hợp đồng với cơ sở nấu ăn đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật để tổ chức nhà ăn, bếp ăn.

Điều 19: Quy định về nhà tiêu

Nhà tiêu bảo đảm hợp vệ sinh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01:2011/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT, ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh; bố trí chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh.

Điều 20: Bố trí thùng rác và thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải

Bố trí thùng rác và thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt bảo đảm theo quy định tại khoản 4 Mục VII Phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 07:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hoặc hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt và thực hiện các quy định khác có liên quan tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Chương III TÀI CHÍNH

Điều 21. Nguồn kinh phí

Kinh phí cho công tác Y tế trường học từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Nhà trường.

2. Kinh phí từ BHYT gồm kinh phí trích lại của quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu và quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

3. Kinh phí từ BHXH: Thanh toán chế độ thai sản đối với người đóng BHXH.

Điều 22. Sử dụng kinh phí

1. Nội dung chi

a. Theo Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học.

b. Theo Hợp đồng KB, CB hàng năm giữa Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội với cơ quan BHXH Việt Nam.

2. Định mức chi

Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm do Nhà trường giao:

a. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt.

b. Chi mua sắm trang thiết bị y tế, mua sắm thuốc, thiết bị vệ sinh học đường.

c. Chi đầu tư xây dựng cơ bản của Trạm Y tế.

d. Chi các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; các hoạt động tham quan, khảo sát thực tế ở trong nước và nước ngoài.

Chi phần hoạt động dịch vụ của Trạm Y tế:

a. Chi lương, thuê khoán chuyên môn cho các hợp đồng lao động của Trạm Y tế.

b. Chi lương tăng thêm, làm thêm giờ, phúc lợi xã hội cho viên chức và người lao động của Trạm Y tế theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Chương IV

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC Y TẾ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 23. Trạm Y tế

1. Cơ cấu tổ chức

a. Trạm Y tế có 01 Trưởng trạm, không quá 01 Phó Trưởng trạm và viên chức người lao động phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ y tế.

b. Trưởng trạm do Hiệu trưởng Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, là người chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Trạm trước Hiệu trưởng và pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

c. Phó Trưởng trạm là người giúp việc cho Trưởng trạm và chịu trách nhiệm trước Trưởng trạm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

d. Các cán bộ y tế là viên chức và người lao động thuộc Trạm, thực hiện các công việc do Trạm trưởng phân công theo lĩnh vực và liên đới chịu trách nhiệm trước Trạm trưởng và trước pháp luật về những phần việc được phân công.

2. Vị trí, Chức năng

a. Trạm Y tế là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có chức năng thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực y tế trường học, quản lý hồ sơ sức khỏe của viên chức, người lao động và người học trong trường; chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khám chữa bệnh; phòng chống dịch bệnh, kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường.

b. Trạm Y tế là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật, không có tư cách pháp nhân độc lập.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường

1. Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác y tế của Trường.
2. Phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân trong công tác y tế của Trường.

Điều 25. Trách nhiệm của Trạm Y tế

1. Xây dựng trình Hiệu trưởng kế hoạch hoạt động dài hạn, ngắn hạn, trung hạn và hàng năm về lĩnh vực y tế học đường, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
2. Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, vận động viên chức, người lao động và người học tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể.
3. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh tật cho viên chức, người lao động và người học trong trường và ngoài trường.
4. Chủ động, phối hợp, liên kết với các Khoa, Phòng, Trung tâm và cơ sở y tế đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và phân loại sức khỏe cho CBVC, NLĐ và người học.
5. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBVC và NLĐ.
6. Tổ chức khám sức khỏe cho người học theo quy định.
7. Quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe của CBVC, NLĐ và người học.
8. Sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp phát thuốc cho CBVC, NLĐ và người học, chuyển bệnh nhân lên cơ sở tuyến trên trong những trường hợp cần thiết.

9. Thực hiện chế độ mua, cấp thuốc theo kế hoạch, mở sổ quản lý, kiểm tra, đối chiếu thuốc và thanh quyết toán theo quy định.

10. Thực hiện chế độ mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người học theo quy định.

11. Kiểm tra vệ sinh tại các khu nhà làm việc và giảng đường phòng học, khuôn viên trường học. Kiểm tra ánh sáng đèn điện trong phòng học.

12. Chủ trì, phối hợp với cơ sở y tế tại địa phương, ngành liên quan trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động y tế trường học và các hoạt động y tế khác.

13. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong Trường thực hiện công tác vệ sinh môi trường phòng bệnh và phòng dịch trường học, xây dựng môi trường trường học lành mạnh, an toàn.

14. Tổ chức phối hợp với các đơn vị liên quan, quản lý và thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số gia đình và trẻ em, tham gia truyền thông vận động bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng phong cách nếp sống lành mạnh trong CBVC, NLD và người học.

15. Phối hợp, hợp tác, công tác liên kết với các bệnh viện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực khám bệnh, điều trị và cấp cứu, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, các bệnh xã hội....

16. Phối hợp với khoa sức khỏe môi trường và sức khỏe trường học tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nghiên cứu đề xuất những biện pháp cụ thể, kịp thời hữu hiệu phòng chống ngộ độc do ăn uống.

17. Thực hiện làm xét nghiệm định kỳ mẫu nước sinh hoạt tại các bể nước trong trường.

18. Chủ động tổ chức triển khai các biện pháp cụ thể vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh như xử lý môi trường phòng dịch bệnh, phun thuốc muỗi, diệt chuột và côn trùng....

19. Phối hợp các cơ quan y tế cấp trên kịp thời phát hiện, khoanh vùng và xử lý các ổ dịch bệnh, không để lây lan.

20. Thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả triển khai công tác trường học hàng năm theo quy định.

21. Quản lý tài sản viên chức và người lao động của Trạm; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

22. Được quyền khai thác và quản lý dịch vụ khám chữa bệnh và quầy thuốc khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động cơ sở khám chữa bệnh và quầy thuốc theo quy định.

23. Quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định của bảo hiểm xã hội.

24. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

Điều 26. Phòng Công tác sinh viên

1. Phối hợp với Trạm Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBVC, NLD và người học theo quy định.
2. Phối hợp với Trạm Y tế mua bảo hiểm y tế cho người học.
3. Phối hợp với Trạm Y tế trong công tác truyền thông GDSK.
4. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Nhà trường trong công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 27. Phòng Tổ chức – Hành chính

1. Là đầu mối tổ chức thực hiện công tác BHYT theo luật BHYT cho CBVC&NLD bao gồm: đăng ký làm thẻ hướng dẫn làm thủ tục khi sai thẻ, mất thẻ BHYT, đăng ký KB, CB ban đầu, nhận và phát thẻ BHYT.
2. Hướng dẫn và giải quyết các chế độ chính sách liên quan đến sức khỏe CBVC, NLD tham gia BHYT.

Điều 28. Phòng Quản trị thiết bị

1. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác Y tế trường học.
2. Đảm bảo vệ sinh, an ninh nguồn nước.
3. Đảm bảo nguồn điện nước cho hoạt động y tế của Nhà trường.
4. Sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Tổ chức thực hiện tốt các dịch vụ giảng đường: nước, ánh sáng, thiết bị, âm thanh, vệ sinh.
5. Thông báo kịp thời yêu cầu về việc sửa chữa giảng đường, trang thiết bị phục vụ giảng đường cho các đơn vị chức năng.
6. Thực hiện vệ sinh công cộng khu vực giảng đường.
7. Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan khu vực công đảm bảo sự văn minh sạch đẹp và an toàn.

Điều 29. Phòng Kế hoạch tài chính

1. Thu tiền BHYT của người học.
2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch dự toán ngân sách cho công tác Y tế trường học theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt.
3. Hướng dẫn Trạm y tế về công tác thanh, quyết toán các kinh phí thực hiện công tác y tế của Nhà trường.
4. Chịu trách nhiệm giải quyết kinh phí về công tác y tế theo Thông tư số: 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học.

5. Quyết toán chi phí công tác y tế của Nhà trường với cơ quan BHXH Quận Bắc Từ Liêm.

Điều 30. Trung tâm Dịch vụ trường học

1. Ký túc xá

Quản lý ký túc xá sinh viên theo quy định hiện hành; bố trí phòng ở cho sinh viên trong ký túc xá đảm bảo khoa học, thuận lợi cho công tác quản lý của Nhà trường và học tập của sinh viên; hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt nội quy ký túc xá; đảm bảo trật tự an ninh, môi trường sinh hoạt và giáo dục lành mạnh; đẩy mạnh phong trào tự quản trong sinh viên.

2. Căng tin

Quản lý căng tin theo quy định hiện hành, thường xuyên kết hợp với Trạm Y tế kiểm tra giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 31. Bộ môn Giáo dục Thể chất

1. Phối hợp với Trạm Y tế để có kế hoạch sắp xếp môn học GDTC phù hợp với tình trạng sức khỏe đối với người học có sức khỏe yếu.

2. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, giữ gìn sức khỏe cho người học trong quá trình tập luyện và thi đấu thể thao.

3. Phối hợp với Công đoàn Nhà trường và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường có kế hoạch triển khai các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa và rèn luyện thân thể, tổ chức cho CBVC, NLĐ và người học tham gia các giải thi đấu thể thao, các hoạt động tăng cường sức khỏe.

Điều 32. Các Khoa, Bộ môn

1. Phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý.

2. Khuyến khích, động viên để CBVC&NLĐ tham gia KSK định kỳ hàng năm.

Điều 33. Quyền lợi và trách nhiệm của CBVC, NLĐ và người học

1. Quyền lợi

a. CBVC, NLĐ và người học được chăm sóc, tư vấn các vấn đề sức khỏe và hưởng các dịch vụ y tế như sơ cấp cứu khi ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tích; được đảm bảo an toàn vệ sinh ăn uống, vệ sinh phòng chống dịch bệnh trong khu vực Nhà trường.

b. Được tham gia BHYT theo luật BHYT.

2. Trách nhiệm

a. CBVC, NLĐ và người học phải tham gia các hoạt động trong công tác Y tế trường học của Nhà trường.

b. Người học phải tự rèn luyện để có nếp sống lành mạnh, tham gia phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội. Người học tuyệt đối không sử dụng ma túy.

Điều 34. Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật

1. Các Trung tâm, Trạm Y tế, Phòng, Khoa và các đơn vị liên quan theo thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác y tế trường học.

2. Các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác y tế trường học được xét khen thưởng theo quy định.

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ viên chức và người học để thống nhất thực hiện trong toàn trường. Các đơn vị và cá nhân phải nghiêm chỉnh thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Trạm Y tế báo cáo Hiệu trưởng xem xét, chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp.
